TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **151**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh.
2. Ông Nguyễn Bền .

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Nguyễn Thị M – sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T – sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị M có mặt tại phiên toà

Anh T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện cưới nhau vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống đến khi con chung được 01 tuổi thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là giữa chị và mẹ của anh T không hợp nhau, đồng thời anh T không chăm lo cho vợ con. Chị và anh T đã ly thân từ ngày 30/4/2022 cho đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Lan H – sinh ngày 28/9/2020. Hiện nay con chung đang sống chung với anh T và mẹ của anh T. Khi ly hôn, chị để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Tấn T không có văn bản trình bày ý kiến.*

* **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị M vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T. Về con chung, khi ly hôn chị để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, giữa chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, chị M trình bày giữa chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị M yêu cầu được ly hôn với anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Bị đơn anh T vắng mặt không tham gia hòa giải, không tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết

định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy chị M và anh T tự nguyện cưới nhau vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị M và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quá trình sống chung giữa chị M và mẹ của anh T mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng chị mâu thuẫn, và đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, chị M và anh T đã có thời gian ly thân nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm. Đồng thời, anh T không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M chứng tỏ anh T không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị M. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị M và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Lan H – sinh ngày 28/9/2020. Hiện nay con chung đang do anh T nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị M để anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị M và anh T ly thân thì cháu H do anh T nuôi dưỡng, và anh T không có ý kiến yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, để tránh thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tâm lý và để đảm bảo điều kiện cho cháu H phát triển nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M trình bày giữa chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Nguyễn Tấn T.

Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Lan H – sinh ngày 28/9/2020 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Về án phí: M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0011012 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị M đã thi hành xong.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị M được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh